

# Biện pháp nâng cao kĩ năng phòng tránh tai nạn đuối nước cho trẻ em: Nghiên cứu tình huống tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai

Trần Cao Bảo<sup>1</sup>, Hoàng Việt Trung<sup>2</sup>,  
Lê Thị Quỳnh Nhi<sup>3</sup>, Nguyễn Thị Minh Tâm<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh -  
Phân hiệu Gia Lai  
Thôn 01, xã Diên Phú, thành phố Pleiku, Gia Lai, Việt Nam  
Email: tcbao@hcmuaf.edu.vn

<sup>2</sup> Email: viettrung88.quynhon@gmail.com

<sup>3</sup> Email: lethiquynhi0103@gmail.com

<sup>4</sup> Email: nguyenthiminhnam4923@gmail.com

Trường Trung học phổ thông Pleime, Chư Prông, Gia Lai  
Xã Ia Ga, huyện Chư Prông, Gia Lai, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Tai nạn đuối nước ở trẻ em không chỉ là vấn đề nhức nhối đối với mỗi gia đình mà còn là thách thức lớn đối với xã hội. Nghiên cứu và tìm ra giải pháp giảm thiểu tình trạng tai nạn đuối nước ở trẻ em đang được các nhà giáo dục và nhiều nhà khoa học quan tâm. Bằng phương pháp điều tra và thực nghiệm trong ngữ cảnh của huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, kết quả đã chỉ ra thực trạng tai nạn đuối nước trẻ em tại địa phương, đồng thời biện pháp can thiệp được khảo nghiệm cho thấy nhận thức của trẻ em về kĩ năng phòng, tránh tai nạn đuối nước có sự thay đổi rõ rệt.

**TỪ KHÓA:** Giáo dục kĩ năng; kĩ năng phòng, tránh tai nạn đuối nước; nguy cơ đuối nước.

→ Nhận bài 19/4/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 03/5/2020 → Duyệt đăng 15/6/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Tai nạn đuối nước (TNĐN) trẻ em là một vấn đề xã hội và trở thành nỗi ám ảnh cho các bậc phụ huynh học sinh (HS) hiện nay. Trong các quyền của trẻ em, quan trọng nhất là quyền được sống, quyền được bảo vệ tính mạng được bảo đảm tốt nhất để sống và phát triển. Tuy nhiên, quyền được sống của trẻ em ở Việt Nam đang bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là nguy cơ đuối nước. Kết quả điều tra của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tại Việt Nam cho thấy, tỉ lệ trẻ em ở Việt Nam bị chết do TNĐN khá cao, chỉ đứng sau tỉ lệ tử vong do tai nạn giao thông [1]. Tai nạn dẫn đến tử vong vì đuối nước của trẻ em ở Việt Nam đứng đầu Đông Nam Á và gấp 10 lần so với các nước phát triển [1]. TNĐN trẻ em để lại những đau thương, mất mát cho gia đình và xã hội. Do đó, việc thiết lập hành lang pháp lí và những giải pháp phù hợp cho vấn đề TNĐN ở trẻ em là cấp bách. Nhiều bằng chứng cho thấy rằng, Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các bộ, ngành, các tổ chức xã hội đã nỗ lực và có nhiều đóng góp tích cực trong công tác phòng, chống tai nạn thương tích, trong đó có đuối nước cho trẻ em. Cụ thể, ngày 05 tháng 02 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 234/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; Ngày 05 tháng 4 năm 2016, Quốc hội đã thông qua Luật Trẻ em [1], [2]. Đây là những văn bản pháp luật và chương trình phòng chống tai nạn thương tích lớn nhất đối với trẻ em, tạo ra hành lang pháp lí bảo vệ quyền cho trẻ em.

Để giảm thiểu TNĐN trẻ em, nhiều nghiên cứu và hội

thảo đã được tiến hành nhằm tìm ra những biện pháp phòng, chống đuối nước trẻ em. Tại hội thảo “Triển khai Chương trình hợp tác về phòng chống đuối nước cho trẻ em Việt Nam” tổ chức ngày 26 tháng 6 năm 2018, các học giả tham dự đã chỉ ra 4 nhóm vấn đề cơ bản về tình trạng TNĐN trẻ em gồm: 1/ Nhận thức của gia đình, cộng đồng xã hội với nguy cơ gây đuối nước cho trẻ em ở các địa phương còn rất hạn chế; 2/ Sự giám sát, trông giữ của cha mẹ, những người chăm sóc trẻ đặc biệt là vùng nông thôn, vùng kinh tế khó khăn chưa được quan tâm; 3/ Các cơ sở giáo dục và các địa phương thiếu giáo viên dạy bơi, thiếu cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học bơi, đặc biệt là các vùng nghèo, vùng miền núi khó khăn; 4/ Trẻ em chưa biết bơi, không có kĩ năng trong việc phòng ngừa, bảo vệ mình với các nguy cơ TNĐN, trong khi môi trường sống có tiềm ẩn nhiều nguy cơ [1].

Năm 2014, WHO đã xuất bản quyển sách “Hướng dẫn toàn cầu thực hiện phòng, chống đuối nước” nhằm hỗ trợ cho nỗ lực giảm thiểu tai nạn do đuối nước gây ra [3]. Quyển sách đã đưa ra 6 biện pháp can thiệp phòng, chống đuối nước trẻ em, bao gồm: 1/ Tạo môi trường an toàn, tránh xa nguồn nước cho trẻ mầm non; 2/ Làm rào chắn để kiểm soát trẻ tiếp cận nguồn nước; 3/ Dạy cho trẻ em tuổi tiểu học trở lên biết bơi và biết kĩ năng an toàn trong môi trường nước; 4/ Xây dựng khả năng chống chịu rủi ro, quản lí rủi ro và các hiểm họa khác ở cấp độ địa phương và quốc gia; 5/ Đào tạo người dân kĩ năng cứu hộ và sơ cứu; 6/ Xây dựng và thực thi các quy định về an toàn giao thông đường thủy như tàu, thuyền, phà. Bên cạnh đó, 4 chiến lược hỗ trợ bao gồm:

1/ Khuyến khích phối hợp đa ngành; 2/ Tăng cường nhận thức của nhân dân về phòng chống đuối nước thông qua truyền thông có chiến lược; 3/ Thiết lập kế hoạch an toàn đường thủy quốc gia; 4/ Nghiên cứu phòng chống đuối nước trẻ em thông qua thu thập dữ liệu và nghiên cứu bài bản. Các chiến lược và biện pháp can thiệp của WHO đã được kiểm chứng trong thực tế nhằm hỗ trợ cho việc giảm thiểu tai nạn do đuối nước [3].

Mặc dù, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng đuối nước cho trẻ em. Chẳng hạn, Chỉ thị số 07/CT-UBND, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống TNĐN ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; Quyết định số 831/QĐ-UBND, ngày 5 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt “Đề án tăng cường công tác phòng, chống tai nạn đuối nước ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2022”. Tuy nhiên, việc triển khai các giải pháp gặp rất nhiều khó khăn vì hai thách thức. Một là, tai nạn do đuối nước trên địa bàn chủ yếu diễn ra tại khu vực nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn [1]. Đây là những nơi chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực để tuyên truyền và giáo dục kỹ năng phòng tránh đuối nước. Hai là, các giải pháp tập trung hướng vào giáo dục kỹ năng an toàn cho HS trong nhà trường, tuy nhiên chương trình giáo dục phổ thông hiện hành chưa lồng ghép việc dạy bơi lội trong chương trình giáo dục ở nhà trường, chưa có nội dung chương trình chính thức để thực hiện công tác giáo dục kỹ năng cho HS [4], [5].

Với cơ sở lý luận đã được trình bày và bối cảnh của huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, bài báo này tập trung làm rõ một số vấn đề sau: 1/ Thực trạng về TNĐN của trẻ em tại tỉnh Gia Lai nói chung và huyện Chư Prông nói riêng, 2/ Tìm hiểu mức độ nhận thức của trẻ về kiến thức và kỹ năng phòng tránh TNĐN; 3/ Khảo nghiệm và đánh giá tác động của biện pháp can thiệp về phòng tránh TNĐN đối với trẻ em tại huyện Chư Prông.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên cơ sở các biện pháp can thiệp và chiến lược của WHO (2014) trong bối cảnh của huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai để làm rõ 3 mục tiêu đã nêu thông qua phương pháp tiếp cận đặc điểm tâm lý HS của tác giả Nguyễn Đức Sơn và cộng sự (2017) qua biểu hiện trên các phương diện: Sự hoàn thiện về tri giác, sự phát triển về tư duy của trẻ, khả năng tưởng tượng tái tạo và khả năng ghi nhớ của trẻ [6].

Nghiên cứu đã tiến hành bằng phương pháp điều tra thực địa và thực nghiệm biện pháp can thiệp với sự tham gia của 247 HS tiểu học, độ tuổi từ 9 đến 10 tuổi tại 2 trường trên địa bàn huyện Chư Prông. Độ tuổi được cho là có hệ thần kinh cấp cao đang hoàn thiện về mặt chức

năng. Do đó, tư duy của các em chuyển dần từ trực quan hành động sang tư duy hình tượng, tư duy trừu tượng [6]. Mẫu được lựa chọn dựa trên sự tình nguyện tham gia của HS 2 trường sau khi nhóm nghiên cứu tiếp xúc trực tiếp và được chọn ngẫu nhiên thành 2 nhóm, nhóm thực nghiệm (TN) và nhóm đối chứng (ĐC).

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 với 3 giai đoạn: 1/ Thu thập dữ liệu thứ cấp bao gồm các báo cáo thông kê của Sở LĐT&XH, phòng LĐT&XH huyện Chư Prông từ năm 2016 đến năm 2019 nhằm đánh giá thực trạng TNĐN ở huyện Chư Prông và tỉnh Gia Lai; 2/ Khảo sát 247 HS về mức độ nhận thức đối với kỹ năng tự phòng tránh đuối nước và khả năng xử lý các tình huống khi gặp TNĐN; 3/ Xây dựng “Cẩm nang truyện tranh phòng tránh TNĐN cho HS” như là một biện pháp can thiệp phục vụ cho khảo nghiệm để đánh giá tác động của biện pháp trên 2 nhóm TN và ĐC.

Cấu trúc “Cẩm nang truyện tranh” được thiết kế với các nhân vật, hình ảnh sinh động và các tình huống gần gũi với cuộc sống hằng ngày, phù hợp với tâm lý và lứa tuổi HS tiểu học [6], [7]. Các nội dung được cụ thể hóa bằng những câu chuyện với những lời thoại hấp dẫn giữa các nhân vật trong từng tình huống cụ thể. Cấu trúc gồm 30 trang, in màu và chia thành ba phần: “Nhận biết những nơi không an toàn” (tiềm ẩn nguy cơ môi trường nước); “Làm gì khi thấy có người bị đuối nước?” (cách xử lý tình huống); và “Chúng ta phải làm gì?” (hướng đến giáo dục kỹ năng tự phòng tránh đuối nước).

Sau 10 tuần, khi nhóm TN đã đọc xong “Cẩm nang truyện tranh”, cả 2 nhóm được khảo sát lại bằng Bảng hỏi với 10 câu hỏi được thiết kế theo thang đo của Bloom nhằm đánh giá tác động về khả năng tái tạo kiến thức và kỹ năng của HS sau khi đọc “Cẩm nang truyện tranh”.

Toàn bộ dữ liệu đã thu thập được xử lý trên phần mềm SPSS 20.0 bao gồm thống kê tần suất, tỉ lệ phần trăm và kiểm định T-test độc lập (Independent Samples T-test) đánh giá tác động trên 2 nhóm ĐC và TN.

### 2.2. Kết quả và thảo luận

#### 2.2.1. Thực trạng tai nạn đuối nước trẻ em ở tỉnh Gia Lai

Kết quả thống kê cho thấy, từ năm 2016 đến tháng 9 năm 2019, toàn tỉnh Gia Lai có 230 ca TNĐN, làm chết 234 trẻ em. Trong năm 2016, có 54 ca làm chết 51 trẻ, năm 2017 là 66 ca làm 66 trường hợp tử vong, năm 2018 số ca TNĐN là 83 làm 79 trẻ tử vong, tính đến tháng 9 năm 2019 toàn tỉnh ghi nhận có 27 ca, làm 38 trẻ tử vong. Như vậy, với tổng số 230 ca TNĐN đã có 234 trẻ bị tử vong.

Chư Prông là một trong năm huyện có tỉ lệ TNĐN cao nhất tỉnh Gia Lai. Theo thống kê, từ năm 2016 đến tháng 9 năm 2019, toàn huyện 32 vụ TNĐN với 32 trẻ tử vong. Trong đó, năm 2016 có 11 ca, năm 2017 là 6 ca, năm

2018 tăng lên 13 ca, cao gấp hai lần so với năm 2017. Tính đến tháng 9 năm 2019, số ca TNĐN của huyện Chư Prông mới phát hiện được 02 ca. Kết quả thống kê đã chỉ ra rằng, số ca TNĐN đứng thứ hai sau tai nạn giao thông nhưng lại có tỉ lệ tử vong cao nhất trong bảng tổng hợp tại nạn thương tích trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai.

Thêm vào đó, kết quả cũng cho thấy số ca TNĐN của trẻ em nam cao hơn 2,5 lần so với trẻ em nữ. Trong tổng số 230 ca, thì có 165 số trẻ em nam chiếm 71,748%, số trẻ em nữ là 65 trường hợp chiếm 28,26%. Kết quả cũng ghi nhận, số ca TNĐN ở độ tuổi từ 1 - 16 tuổi. Trong đó, độ tuổi phổ biến nhất là nhóm tuổi từ 10 - 13 với 99 ca chiếm 42,29%, tuổi từ 6 - 9 với 59 ca chiếm 25,99%, độ tuổi từ 1 - 5 tuổi có 54 ca chiếm 23,79%, từ 14 - 16 tuổi có số ca TNĐN ít nhất, với 18 ca, chiếm 7,93%. Với kết quả này, có thể khẳng định rằng, nạn nhân của TNĐN tập trung ở lứa tuổi HS tiểu học và HS trung học cơ sở.

Với kết quả trên cho thấy sự thiếu quan tâm của người lớn là một nguyên nhân dẫn đến TNĐN của trẻ em. Điều này có thể vì phụ huynh quá bận với công việc và mưu sinh mà không có thời gian quan tâm đến trẻ. Mặt khác, có thể lí giải rằng, trẻ em đang thiếu kĩ năng cơ bản về an toàn nước cũng là nguyên nhân dẫn đến TNĐN. Chẳng hạn, không biết bơi, thiếu kiến thức và thiếu kĩ năng an toàn nước [3]. Thêm vào đó, ở độ tuổi từ 6 - 13 tuổi, tâm lí của các em rất muốn khám phá thế giới xung quanh, muốn khẳng định mình nên cha mẹ cũng khó kiểm soát được trẻ.

**2.2.2. Nhận thức của trẻ em về tai nạn đuối nước**

Qua khảo sát 247 HS tiểu học, kết quả cho thấy, số HS có khả năng bơi lội thành thạo chỉ có 15 em chiếm 6,07%, 47 HS biết bơi ở mức độ bình thường chiếm 19,03%. Trong khi số HS không biết bơi khá cao, 185 em chiếm tỉ lệ 74,9%. Điều này cho thấy, đa số HS không biết bơi là khá nhiều.

Kết quả khảo sát về nhận thức của HS đối với kĩ năng tự phòng tránh đuối nước và khả năng xử lí các tình huống khi gặp TNĐN được trình bày ở Bảng 1 cho thấy,

**Bảng 1: Nhận thức của HS về kĩ năng phòng tránh đuối nước**

Nội dung hỏi	Mức độ nhận thức (N=247)			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Việc sử dụng áo phao khi đi qua sông, suối	8 (3,24%)	33 (13,36%)	41 (16,6%)	165 (66,8%)
Việc sử dụng các vật dụng có sẵn (gậy tre, dây thừng) khi đi qua sông, suối	12 (4,86%)	32 (12,95%)	26 (10,53%)	177 (71,66%)
Khả năng nhận biết được những vùng nước nguy hiểm ở sông, suối	7 (2,84%)	5 (2,02%)	38 (15,38%)	197 (79,76%)
Bố, mẹ có dạy bơi hoặc hướng dẫn và nhắc nhở cách phòng ngừa khi em đi qua suối, tắm ở sông, suối, ao, hồ	14 (5,67%)	28 (11,34%)	43 (17,41%)	162 (65,58%)
Khi đi tắm sông, suối các em có đi cùng với bố, mẹ hoặc người thân trong gia đình không	13 (5,27%)	27 (10,93%)	56 (22,67%)	151 (61,13%)

có 71,66% số HS không bao giờ sử dụng các dụng cụ có sẵn khi đi qua sông, suối. 79,76% số HS không nhận biết được dấu hiệu của những vùng nước nguy hiểm có thể gây ra TNĐN. Đặc biệt, có 165 HS chiếm 66,8% không nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng áo phao khi tham gia vào môi trường nước. Với kết quả này có thể khẳng định rằng, phần đông số HS được khảo sát thiếu hoặc không có kiến thức, kĩ năng về an toàn nước và phòng tránh TNĐN.

Kết quả cũng còn chỉ ra rằng, có tới 61,13% số HS không bao giờ được bố, mẹ hoặc người thân quan tâm, giám sát thường xuyên khi các em tham gia các hoạt động trong môi trường nước. Chỉ có 16,19% số HS tham gia khảo sát được bố, mẹ quan tâm, giám sát, đi cùng khi các em tham gia hoạt động trong môi trường nước. Thêm vào đó, kết quả cũng cho thấy, có đến 65,58% số HS không bao giờ được bố, mẹ dạy bơi hoặc hướng dẫn những kĩ năng cơ bản cho các em khi tham gia hoạt động, vui chơi trong môi trường nước. Điều này cho thấy sự thiếu quan tâm của phụ huynh đối với trẻ.

Với những kết quả trên cho thấy, phần lớn HS chưa biết bơi và thiếu kĩ năng an toàn khi tham gia vào môi trường nước. Hệ lụy là HS không biết xử lí các tình huống bất ngờ xảy ra và không có kĩ năng cứu đuối khi có người gặp nạn là nguyên nhân dẫn đến TNĐN của trẻ em. Kết quả cũng cho thấy phần lớn bố, mẹ còn thờ ơ, không quan tâm, không thường xuyên giám sát trẻ hoặc hướng dẫn những kĩ năng cơ bản cho trẻ khi trẻ tham gia hoạt động vui chơi trong môi trường nước.

**2.2.3. Đánh giá tác động của biện pháp**

Kết quả khảo sát đánh giá tác động của biện pháp can thiệp về kiến thức và kĩ năng phòng tránh TNĐN, sau khi nhóm TN đọc xong “Cẩm nang truyện tranh” được trình bày ở Bảng 2 cho thấy, số HS nhóm TN trả lời số câu “đúng” nhiều hơn so với nhóm ĐC. Ngược lại, nhóm ĐC có số câu trả lời “sai” tương đối cao (xem Bảng 2). Điều này cho thấy, việc đọc “Cẩm nang truyện tranh” có thể đã giúp HS nhóm TN có thêm kiến thức về phòng tránh

**Bảng 2: Nhận thức của HS về kiến thức và kĩ năng sau khi tác động**

Nội dung hỏi	Nhóm TN N=125		Nhóm ĐC N=122	
	Đúng	Sai	Đúng	Sai
Theo em, nhưng nơi nào dễ xảy ra nguy cơ đuối nước?	109	16	102	20
Theo em, việc làm nào rất dễ dẫn đến đuối nước?	96	29	67	55
Theo em, biểu hiện nào cho thấy nước lũ đang tràn về và rất nguy hiểm khi đi qua?	91	34	67	55
Khi vừa thấy người ngã xuống nước trong khi mình lại không biết bơi, em phải làm gì đầu tiên?	90	22	63	59
Trong trường hợp em nhìn thấy có người ngã xuống hồ nước sâu. Trong khi mình lại không biết bơi thì phải làm thế nào?	85	40	52	70
Lúc đang đá bóng trên bờ sông, vì bóng bay xuống nước nên bạn An xuống lấy nhưng sông quá sâu và trơn, khó lên bờ. Lúc này các em phải làm gì?	99	26	81	41
Nếu bị chuột rút ở chân trái khi đang bơi em phải làm gì?	95	30	68	54
Nguyên tắc đầu tiên khi đi thuyền trên sông/suối là gì?	93	32	80	42
Để tập lặn dưới nước, em phải làm như thế nào?	59	66	44	78
Khi đi qua đoạn suối có nước chảy mạnh, em phải làm gì?	58	67	26	96

TNĐN hơn so với nhóm ĐC.

Kiểm định T-test cũng đã được tiến hành trên cơ sở dữ liệu được thu thập như phân tích ở Bảng 2, nhằm đánh giá chính xác với mức độ tin cậy hơn của biện pháp can thiệp về kiến thức và kĩ năng phòng tránh TNĐN giữa nhóm TN và nhóm ĐC. Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, HS nhóm TN có kết quả cao hơn so với nhóm ĐC không được đọc “Cẩm nang truyện tranh”.

Kết quả cũng ghi nhận Trị trung bình của 2 nhóm có sự chênh lệch lớn, nhóm TN là 7.03 trong khi nhóm ĐC chỉ có 6.2. Mặt khác, độ lệch chuẩn của 2 nhóm gần như không có biến động lớn (xem Bảng 3). Điều này cho thấy cả 2 nhóm có trình độ nhận thức ban đầu tương đương nhau. Bên cạnh đó, xác suất ngẫu nhiên (giá trị P) của hai nhóm  $P=0.0000000135$  ( $P<0.05$ ) chứng tỏ rằng, có sự khác biệt có ý nghĩa về Trị trung bình giữa 2 nhóm. Kết quả này có thể khẳng định rằng, sự thay đổi nhận thức

**Bảng 3: So sánh kết quả giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau tác động**

Giá trị	Nhóm TN (N=125)	Nhóm ĐC (N=122)
Trung vị (Median)	7	6
Trung bình (Mean)	7.03	6.2
Độ lệch chuẩn (SD)	1.32	0.84
Xác suất ngẫu nhiên (P-value)	0.0000000135	
Mức độ tác động (SMD)	0.97	

của nhóm TN là ngẫu nhiên và có ý nghĩa do bị tác động, cụ thể là đã đọc “Cẩm nang truyện tranh”.

Thêm vào đó, kết quả phân tích cũng chỉ ra mức độ ảnh hưởng của biện pháp tác động với hệ số  $ES_{(SMD)} = 0.97$ , so với bảng tham chiếu của Cohen giá trị tìm được nằm

**Bảng 4: Thái độ và hành vi của HS thực nghiệm sau khi được tác động**

Nội dung hỏi	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý
Em có hấp dẫn bởi những hình ảnh sinh động trong cuốn truyện tranh này?	97 (77,6%)	15 (12%)	13 (10,4%)	0.0
Em cảm thấy rất hứng thú với những nội dung của cuốn truyện tranh này?	101 (80,8%)	16 (12,8%)	8 (6,4%)	0.0
Những kiến thức và kĩ năng xử lí từ cuốn truyện tranh này rất có ích với em?	101 (80,8%)	24 (19,2%)	0.0	0.0
Em sẽ tuyên truyền nội dung của cuốn truyện tranh này đến bạn bè và người thân.	121 (96,8%)	4.0 (3,2%)	0.0	0.0
Em sẽ thường xuyên đọc cuốn truyện này để nâng cao kiến thức?	98 (78,4%)	22 (17,6%)	5.0 (4,0%)	0.0
Sau khi đọc xong cuốn truyện tranh này em tham gia các buổi ngoại khóa để tuyên truyền về phòng tránh đuối nước?	118 (94,4%)	7 (5,6%)	0.0	0.0



trong khoảng  $0,8 < ES_{(SMD)} < 1,0$ , có mức ảnh hưởng lớn. Rõ ràng, biện pháp can thiệp thông qua việc đọc “Cẩm nang truyện tranh” đối với HS là có hiệu quả.

Với kết quả trên, việc đọc “Cẩm nang truyện tranh” bằng hình ảnh sinh động và những câu chuyện hấp dẫn đã tăng cường khả năng ghi nhớ, kích thích tư duy tái tạo và sáng tạo của HS góp phần làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của HS [6].

Ngoài ra, kết quả đánh giá thái độ và hành vi của HS sau khi đọc xong “Cẩm nang truyện tranh” cho thấy, 77,6% số HS đã “rất đồng ý” với sự hấp dẫn của cuốn truyện tranh, 80,8% số HS cảm thấy “rất hứng thú” và 96,8% số HS “rất đồng ý” với việc sẽ tuyên truyền cuốn cẩm nang truyện tranh này đến mọi người để góp phần giảm thiểu TNĐN (xem Bảng 4). Với kết quả này có thể khẳng định rằng, trên 90% HS cảm thấy hứng thú khi đọc “Cẩm nang truyện tranh về phòng chống TNĐN” đã được xây dựng.

### 3. Kết luận

Việc sử dụng cẩm nang truyện tranh phòng tránh

TNĐN cho trẻ em bước đầu cho thấy HS tiểu học có thay đổi nhận thức, kỹ năng và thái độ đối với việc phòng tránh đuối nước. Tuy nhiên, để cẩm nang truyện tranh thực sự trở thành một biện pháp hữu hiệu, cần phải có sự đồng tình của nhà trường và phụ huynh. Đối với nhà trường, nên sử dụng cẩm nang truyện tranh như một tài liệu tham khảo phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm và tự học nhằm tuyên truyền và hướng dẫn HS biết cách tự phòng tránh đuối nước. Đối với phụ huynh, sử dụng cẩm nang truyện tranh phòng tránh TNĐN để tham khảo, hướng dẫn cho con em mình nhận biết được các kỹ năng an toàn, những nơi tiềm ẩn nguy cơ đuối nước và những tình huống ứng phó khi con trẻ tham gia hoạt động trong môi trường nước. Việc nghiên cứu các biện pháp can thiệp nhằm nâng cao kỹ năng phòng tránh TNĐN cho trẻ em với quy mô rộng và sâu hơn dựa trên nhận thức, thái độ và hành vi của trẻ ở độ tuổi HS tiểu học và trung học cơ sở tại những vùng nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn nên được thực hiện trong tương lai.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (26/6/2018), *Kế hoạch Hội thảo triển khai chương trình hợp tác về phòng chống đuối nước cho trẻ em Việt Nam*, Hà Nội.
- [2] Đặng Thị Bình, (2019), *Những giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em và tai nạn đuối nước ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Thông tin sinh hoạt nhân dân, số 7 năm 2019.
- [3] WHO, (2014), *Global Report on Drowning: Preventing a leading killer*, World Health Organization Press, Spain.
- [4] Nguyễn Thúy Lan - Phạm Thị Thu Lê, (2013), *Nghiên cứu thực trạng và kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh trung học phổ thông huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*, Tạp chí Y tế dự phòng, Tập XXIII, số 10, tr.146.
- [5] Nguyễn Thúy Quỳnh - Lê Vũ Anh - Nguyễn Đức Quang, (2010), *Tai nạn thương tích ở trẻ em và biện pháp phòng chống dựa vào nhà trường*, Tạp chí Y tế công cộng, số 16.
- [6] Nguyễn Đức Sơn - Lê Minh Nguyệt - Nguyễn Thị Huệ - Đỗ Thị Hạnh Phúc - Trần Quốc Thành - Trần Thị Lệ Thu, (2017), *Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [7] Lê Văn Xem - Phạm Hoàng Dương - Trần Thị Phú Bình, (2017), *Hướng dẫn phòng tránh đuối nước dành cho học sinh trung học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

## MEASURES TO ENHANCE DROWNING PREVENTION SKILLS FOR CHILDREN: A CASE STUDY IN CHU PRONG DISTRICT OF GIA LAI PROVINCE

Tran Cao Bao<sup>1</sup>, Hoang Viet Trung<sup>2</sup>,  
Le Thi Quynh Nhi<sup>3</sup>, Nguyen Thi Minh Tam<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Nong Lam University of Ho Chi Minh City - Gia Lai Campus  
Hamlet 01, Dien Phu commune, Pleiku city, Gia Lai province, Vietnam  
Email: tcbao@hcmuaf.edu.vn

<sup>2</sup> Email: viettrung88.quynhon@gmail.com

<sup>3</sup> Email: lethiquynhni0103@gmail.com

<sup>4</sup> Email: nguyenthiminhntam4923@gmail.com

Pleime High School, Chu Prong District, Gia Lai Province  
La Ga Commune, Chu Prong District,  
Gia Lai Province, Vietnam

**ABSTRACT:** *Drowning in children is not only a problem for each family but also a big challenge for society. Studying and finding out solutions to reduce drowning risks in children are attracting attention of educators and scientists. Using a survey and experimental method in the context of Chu Prong district of Gia Lai province, the paper describes the practical situation of local children drowning, and the interventional measures tested reveal that children's awareness of drowning prevention skills is improved significantly.*

**KEYWORDS:** Skills training; drowning prevention skills; drowning risks.